

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 413/QĐ-UBND

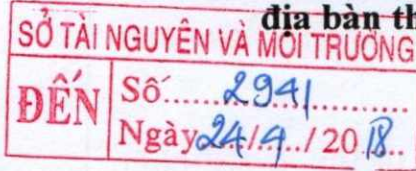
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 23 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò sét làm VLXD thông thường tại điểm mỏ bổ sung (số hiệu quy hoạch 01), thuộc địa bàn thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum”.
(Trữ lượng tính đến ngày 20/11/2017).



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 123/GP-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum được thăm dò sét làm VLXD thông thường tại điểm mỏ bổ sung (số hiệu quy hoạch 01), thuộc địa bàn thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 20/11/2017.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 188/TTr-STNMT ngày 16/4/2018 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng trong “Báo cáo kết quả thăm dò sét làm VLXD thông thường tại điểm mỏ bổ sung (số hiệu quy hoạch

01), thuộc địa bàn thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum” với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 2,3 ha (Hai phẩy ba héc ta) có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản sét làm VLXD thông thường đã tính trong báo cáo: Cấp 121: 226.038 m³ (Hai trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm ba mươi tám mét khối).

3. Trữ lượng sét làm VLXD thông thường huy động vào thiết kế khai thác: 226.038 m³ (Hai trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm ba mươi tám mét khối).

4. Các khoáng sản đi kèm: Không.

5. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Từ 12m - 14,1m; trung bình 13,56m.

Trữ lượng khoáng sản sét làm VLXD thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Biên bản họp thẩm định ngày 28/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum; Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn



**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**
(Kèm theo Quyết định số: **413** /QĐ-UBND
ngày **23** tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN-2000	
	Kinh tuyến trục $107^{\circ}30$ phút, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
	Diện tích: 2,3 ha	
1	1.592.112	540.998
2	1.592.002	541.196
3	1.591.922	541.162
4	1.591.995	540.962

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
SÉT LÀM VLXDĐT**

*(Kèm theo Quyết định số: 413/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng	Trữ lượng (m³)
1	1-121	13,56 m	226.038